

KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA MỘT SỐ NƯỚC

Nhân loại đã bước vào thế kỷ XXI trong bối cảnh cách mạng khoa học - kỹ thuật tiếp tục phát triển mạnh mẽ gắn liền với sự phát triển của kinh tế tri thức; toàn cầu hóa trở thành xu thế tất yếu lôi cuốn tất cả các nước trên thế giới. Tình hình đó đã đem lại cho các nước nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng xuất hiện những nguy cơ và thách thức không nhỏ. Để tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, các Chính phủ đều hoạch định và thực hiện những chính sách phát triển giáo dục và đào tạo phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu phát triển cá nhân.

1. Ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo

Các Chính phủ đã chú trọng đầu tư cho giáo dục ổn định ở mức cao, từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn đóng góp của người dân. Tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục trong tổng giá trị sản phẩm quốc nội gần đạt hoặc vượt mức 4%, mức bình quân thế giới¹.

Hiện nay, ngân sách của Chính phủ Hoa Kỳ về giáo dục là khoảng 4,8% GNP. Năm 1990, Hoa Kỳ chi cho một học sinh là 4.622 USD/học sinh. Năm 1999 - 2000, Hoa Kỳ đầu tư cho giáo dục là 351 tỷ USD. Trong những năm gần đây, Hoa Kỳ đã chi trên 100 tỷ USD cho các chương trình đặc biệt nhằm thu hẹp khoảng cách về thành tích học tập của trẻ em nhà nghèo và trẻ em thuộc các gia đình tầng lớp trung lưu, nhưng kết quả thu được không như mong muốn.

Nhật Bản ưu tiên đầu tư cho giáo dục và đào tạo mức cao. Chẳng hạn, chi tiêu cho giáo dục công cộng đã tăng từ 5,0% thu nhập quốc dân năm 1960, lên 6,6% năm 1975. Số tiền này lấy từ các nguồn như: ngân sách của Chính phủ trung ương và chính quyền các địa phương; đóng góp của giới kinh doanh và của các gia đình. Trong số tiền đầu tư cho giáo dục và đào tạo, kinh phí của Chính phủ trung ương và của địa phương thường chiếm phần lớn, đặc biệt trong giai đoạn giáo dục bắt buộc. Các khoản đầu tư của Chính phủ còn được bổ sung bằng số tiền quyên góp và tài trợ đáng kể của các nhà kinh doanh.

¹ Xem thêm bảng 1 và bảng 2 phần Phụ lục

Số liệu năm 2004 của Hàn Quốc cho thấy, chi tiêu giáo dục chiếm 7,2% GDP, trong đó Nhà nước chi 4,4%, dân chúng chi 2,8%. Vì vậy, tổng chi phí cho giáo dục của Hàn Quốc vào loại cao nhất thế giới và giáo dục ở Hàn Quốc được coi là một dịch vụ đắt đỏ nhất thế giới. Nhìn một cách tổng thể, Hàn Quốc đã chọn một mô hình phát triển giáo dục không rập khuôn mô hình của phương Tây với sự đầu tư của Nhà nước là chủ yếu. Đến năm 2017 Hàn Quốc là một trong 4 nước có đầu tư lớn vào giáo dục sau Anh, Đan Mạch và Na Uy với mức đầu tư là 6,3% GDP vào giáo dục, bỏ xa các cường quốc khác cùng lục địa.

Những tiến bộ công nghệ của Hàn Quốc tạo ra những liên kết rất lớn trong việc phát triển và thực hiện các kế hoạch để thúc đẩy và kích thích giáo dục từ giai đoạn đầu. Sự kết nối đó lớn đến nỗi Hàn Quốc là quốc gia đầu tiên trên thế giới ứng dụng internet băng thông rộng trong các trường tiểu học và trung học.

Không giống với 3 quốc gia ở trên, sự tham gia của các tổ chức tư nhân trong nền giáo dục Hàn Quốc chiếm tới hơn 30% - số liệu được cung cấp bởi OECD. Tuy nhiên, chính phủ đã dần dần kiểm soát tỉ lệ này kể từ năm 2005, ngân sách được phân bổ cho giáo dục tiểu học và trung học với những trợ cấp và đặc quyền trong giai đoạn đào tạo nhận thức đầu tiên cho trẻ em.

Mức chi ngân sách giáo dục của Trung Quốc trong GDP đến năm 2018 là hơn 4%. Từ năm 1994, thực hiện yêu cầu. "3 tăng trưởng", tức là "mức tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục phải cao hơn mức tăng thu nhập ngân sách thường xuyên để từng bước tăng chi phí giáo dục tính bình quân theo đầu học sinh, bảo đảm tăng lượng giáo viên và tăng chi phí dùng chung tính theo đầu học sinh".

Năm 1995, Luật Giáo dục được thông qua. Đối với các vùng nghèo khó, thực hiện chính sách ưu tiên phân phối kinh phí cho giáo dục phổ thông; xây dựng và từng bước tăng thêm các quỹ dành riêng cho việc thực hiện giáo dục bắt buộc ở cả bốn cấp: trung ương, tỉnh, vùng và huyện; bảo đảm đầu tư kinh phí phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm và xoá mù chữ cho người ở độ tuổi thanh niên, trung niên.

2. Gắn phát triển giáo dục và đào tạo với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn

Xuất phát từ nền tảng chế độ chính trị, điều kiện tự nhiên và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước mình, Chính phủ các nước nói trên đều quan tâm đến việc xác định tầm nhìn, hoạch định chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo phục vụ việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

Nhật Bản ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ hai với một nền kinh tế bị tàn phá nặng nề và tụt hậu so với các nước công nghiệp khác. Vì vậy, nước Nhật đã quan tâm nâng cao trình độ học vấn của nhân dân, trình độ lành nghề của người lao động, đáp ứng kịp thời nhu cầu lao động ngày càng tăng của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong thời kỳ này, nền giáo dục của Nhật Bản chú trọng đến giáo dục phổ cập hơn là giáo dục đại học, chú trọng đào tạo thật nhiều học sinh, sinh viên có kiến thức thực tế, nắm vững kỹ xảo và bí quyết sản xuất, nhấn mạnh đạo đức và kỷ luật tập thể hơn là tính sáng tạo cá nhân. Vì thế, giáo dục và đào tạo của Nhật Bản tuy có hạn chế tính sáng tạo, khả năng độc lập suy nghĩ và sự năng động cá nhân, nhưng có tác dụng nâng cao trình độ học vấn, tạo ra được số lượng đông đảo người lao động có kỷ luật, có tinh thần tập thể, có đạo đức và có nên học vấn chung vững chắc, làm cơ sở cho quá trình đuổi kịp và tăng trưởng kinh tế nhanh của Nhật Bản.

Hàn Quốc đã trải qua nhiều chặng đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ tập trung phát triển công nghiệp nhẹ, phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp hóa chất, công nghiệp điện tử, tiếp đến là phát triển các ngành công nghệ cao, kể từ năm 1960 đến nay. Trong quá trình đó, các kế hoạch phát triển giáo dục đều bám sát định hướng phát triển kinh tế. Bắt đầu là thực hiện cưỡng bức giáo dục tiểu học, tiếp đến là cưỡng bức giáo dục cơ sở 9 năm, phát triển trung học nghề và kỹ thuật.

Giữa những năm 1990, với tham vọng sáng tạo một "Hàn Quốc mới", một đất nước có khả năng đóng vai trò chính yếu trên thế giới, các nhà hoạch định chính sách lấy khâu đột phá là cải cách giáo dục. Tầm nhìn của họ là xây dựng một nền giáo dục hoàn hảo, một nhà nước phúc lợi giáo dục, tức là "một xã hội của nền giáo dục mở và suốt đời, cho phép mỗi cá nhân và mọi cá nhân đều bình đẳng và dễ dàng tiếp cận giáo dục ở bất kỳ đâu và bất cứ lúc nào".

Tùy thuộc vào các giai đoạn phát triển kinh tế: giai đoạn công nghiệp hóa (thập niên 60 - 70 của thế kỷ XX); giai đoạn tái cấu trúc nền kinh tế (thập niên 70 - 80 của thế kỷ XX) và giai đoạn phát triển công nghệ cao (từ thập niên 90), Chính phủ Xingapo có các chính sách giáo dục khác nhau để đáp ứng những yêu cầu ngày càng thay đổi về nhân lực.

Cụ thể, vào những năm cuối thập niên 60 của thế kỷ XX, nền kinh tế Xingapo có bước chuyển chiến lược lớn từ sản xuất thay thế nhập khẩu sang công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu. Chính phủ Xingapo tập trung phát triển các ngành sản xuất đòi hỏi nhiều lao động và dùng lợi thế lao động rẻ để thu hút đầu tư nước ngoài. Một trong những mục tiêu chính của giáo dục là cung cấp lao động lành nghề với số lượng lớn cho nền kinh tế. Một mặt, Chính phủ đầu tư xây mới nhiều trường học và đào tạo thêm nhiều giáo viên, dẫn đến số học sinh theo học bậc tiểu học và trung học cơ sở tăng đáng kể từ 343.946 năm 1960 lên 422.611 năm 1968. Mặt khác, đào tạo kỹ thuật và dạy nghề được đưa vào chương trình giảng dạy ngay từ bậc trung học cơ sở. Ngoài các trường dạy văn hóa, bốn hệ thống trường trung học cơ sở mới được thành lập vào năm 1961 bao gồm: các trường dạy nghề, các trường kỹ thuật, các trường thương mại và các học viện dạy nghề.

3. Thiết lập một hệ thống giáo dục mở, có tính liên thông cao

Xây dựng một hệ thống giáo dục mở, đảm bảo liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo, thực hiện phân luồng, dạy học tự chọn, cá biệt hoá, tạo môi trường phát triển tài năng cá nhân.

Những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX, Nhật Bản đã tập trung vào việc mở rộng giáo dục trung học phổ thông. Mục tiêu là phổ cập giáo dục trung học phổ thông cho thanh niên ở độ tuổi 15 - 17, giáo dục trung học phổ thông cung cấp học vấn phổ thông và định hướng nghề nghiệp theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tạo điều kiện cho sự phát triển tối ưu của mỗi cá nhân. Từ những năm 70 của thế kỷ XX, Nhật Bản mở rộng giáo dục đại học cho tất cả các thanh niên ở độ tuổi sau trung học và có năng lực học tập.

Từ những năm 1970, Hàn Quốc đã bắt đầu xây dựng hệ thống giáo dục mở. Nguyên tắc vận hành của hệ thống giáo dục mở là luôn luôn tạo điều kiện

để mọi cá nhân nhận được nhiều cơ hội giáo dục để phát triển năng lực của mình một cách tối đa.

Xingapo là nước có chính sách linh hoạt trong việc đào tạo năng khiếu và phát triển tài năng với mục đích nuôi dưỡng nhân tài phục vụ cho sự nghiệp phát triển của quốc gia. Chương trình giáo dục tài năng (Gifted Education Program) đã được xây dựng và triển khai tại tất cả các cơ sở giáo dục nhằm hỗ trợ các học sinh phát triển năng khiếu trên các phương diện: kiến thức, quá trình học tập, cách trình bày kết trung học cơ sở, một số ít sau khi được giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp, có thể đi làm hoặc tiếp tục học lên các trường trung cấp nghề hoặc trường công nhân kỹ thuật. Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, một bộ phận học lên đại học thông thường, bộ phận còn lại sẽ vào học tại các trường đại học nghề nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp.

b) Mở rộng quyền tự chủ thực hiện quá trình dạy và học của các trường đại học. Trong điều kiện bảo đảm chấp hành chính sách, pháp lệnh, kế hoạch thống nhất của Nhà nước, các trường đại học có quyền liên kết đào tạo, thu nhận học sinh tự đóng học phí, xây dựng và sửa đổi kế hoạch, chương trình dạy học, lựa chọn giáo trình và cải cách nội dung, phương pháp dạy học; có quyền tự chủ mở rộng sự hợp tác và ký hợp đồng với bên ngoài trong công tác nghiên cứu khoa học; có quyền bổ nhiệm cán bộ từ cấp phó hiệu trưởng trở xuống. Các trường đại học đã xây dựng các tổ hợp liên kết "3 kết hợp" (dạy học, sản xuất và nghiên cứu khoa học).

4. Phân định rõ trách nhiệm của Nhà nước và người dân trong quá trình phát triển giáo dục

Nhà nước giữ quyền kiểm soát quá trình phát triển, các lực lượng xã hội cùng tham gia làm giáo dục; thực hiện theo nguyên tắc chia sẻ chi phí giáo dục giữa Nhà nước và nhân dân².

Nhà nước Hoa Kỳ chỉ quản lý các vấn đề chung về hệ thống và một số chương trình tổng thể nhằm đảm bảo sự đồng đều, công bằng trong nền giáo dục chung của liên bang. Các bang đảm bảo cung cấp tài chính chủ yếu cho phần giáo dục bắt buộc cũng như một phần chi cho giáo dục đại học công lập. Cá nhân người học phải chịu một phần khá lớn trong thanh toán chi phí sau giáo

² Xem thêm bảng 3 phần phụ lục

dục bắt buộc. Nhà nước liên bang có các chương trình hỗ trợ để các đối tượng khó khăn có thể tiếp cận giáo dục có chất lượng. Tư nhân được khuyến khích đầu tư cho giáo dục thông qua các khoản hiến tặng (phần kinh phí chính phục vụ hoạt động các trường đại học tư của Hoa Kỳ), đầu tư sinh lời.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống đào tạo nghề, kỹ thuật và đại học Nhật Bản vốn rất đa dạng về hình thức và trình độ. Nhà nước đã thống nhất và đơn giản hóa lại: cho phép tư nhân đầu tư vào các cơ sở giáo dục với sự hỗ trợ về chuyên môn, pháp lý và tài chính của Nhà nước; Nhà nước có các hỗ trợ tài chính cho các trường đại học và cao đẳng tư bằng các khoản cho vay; bù giá cho các chi phí thí nghiệm; từ năm 1956, có hỗ trợ kinh phí cho giảng dạy các ngành khoa học và công nghệ; từ năm 1963, hỗ trợ cho đào tạo giảng viên mầm non. Kể từ năm 1970, để tránh tình trạng xuống cấp của các trường tư, Nhà nước bắt đầu hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên. Nhật Bản đã sớm tận dụng các chương trình hợp tác quốc tế để đào tạo nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực cần ưu tiên. Bên cạnh đó, Nhật Bản cũng sử dụng ngân sách để gửi người đi đào tạo ở nước ngoài.

Theo Luật khung giáo dục đại học năm 1987 của Cộng hòa Liên bang Đức, các cơ sở giáo dục đại học được xem là những tổ chức công. Quản lý và giám sát các cơ sở giáo dục đại học Đức được xác định theo phương thức "song hành" kết hợp giữa liên bang và bang. Liên bang đề ra những mục tiêu chung của các cơ sở giáo dục đại học cũng như các nguyên tắc chung về quản lý hệ thống giáo dục đại học, học tập, giảng dạy và nghiên cứu, tuyển sinh, thành viên tham gia, đội ngũ. Các bang ban hành Luật Giáo dục đại học riêng của mình để chỉ đạo việc tổ chức và quản lý các cơ sở giáo dục đại học trong phạm vi quyền hạn của bang. Quyền lực giám sát hợp pháp và, ở phạm vi nhất định, kể cả những vấn đề liên quan đến học tập, quyền thành lập và tổ chức các cơ sở đào tạo, cộng với toàn quyền trong các vấn đề tài chính và nhân sự là thuộc chính phủ bang.

Với nguồn kinh phí nhà nước đầu tư cho giáo dục tương đối thấp (khoảng 4% GDP), Hàn Quốc tuy không khuyến khích nhưng cũng không hạn chế đầu tư phát triển giáo dục của tư nhân, trong một bối cảnh thuận lợi là các bậc cha mẹ sẵn sàng chi trả để cho con có học vấn càng cao càng tốt. Chính nguồn lực to lớn này đã giúp Hàn Quốc, chỉ trong vòng bốn thập kỷ, giải quyết thành công bài

toán đuổi kịp về giáo dục cùng lúc với bài toán đuổi kịp về kinh tế so với các nước phát triển. Năm 1994, phụ huynh học sinh chi khoảng 17.464 tỷ Won, xấp xỉ 5,8% GNP cho việc giáo dục con em họ, không kể chi phí cho nhà trường". Riêng trong tương quan so sánh với các nước trong Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế, thì phần đóng góp của tư nhân cho giáo dục ở mọi cấp học của Hàn Quốc đều đứng đầu.³

Sự can thiệp của Chính phủ Xingapo trong việc hoạch định chiến lược giáo dục đóng vai trò hàng đầu quyết định thành công của nền giáo dục. Nhà nước định hướng cho giáo dục, cung cấp tài chính và vật lực cho các chương trình giáo dục, đặt chỉ tiêu đầu ra cho từng ngành đào tạo và từng cơ sở giảng dạy, cũng như theo dõi, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện của các cơ sở này. Tuy nhiên, sự can thiệp này cũng có những hạn chế. Ví dụ, việc sắp xếp học sinh vào các chương trình đào tạo khác nhau tùy thuộc vào khả năng của mỗi em khiến việc đi học trở thành một áp lực hơn là sự yêu thích. Gần đây, Nhà nước Xingapo cũng bắt đầu nói lỏng sự can thiệp của mình bằng việc tạo điều kiện cho các trường cơ sở tự xây dựng chương trình đào tạo, cơ chế tuyển sinh cũng như cho phép các trường tìm thêm các nguồn lực để phát triển và mở rộng quy mô, mà vẫn không đi chệch khỏi những định hướng chiến lược giáo dục cơ bản.

Từ năm 1980, Trung Quốc đã thực hiện chế độ thu học phí đối với giáo dục sau giáo dục bắt buộc và thu phụ phí giáo dục đối với người học và các tổ chức sử dụng lao động qua đào tạo. Ngoài ra, Trung Quốc cũng khuyến khích các lực lượng xã hội quyên góp, hùn vốn làm giáo dục, đồng thời sử dụng các biện pháp tiền tệ, vay tín dụng, thu hút mọi nguồn vốn phát triển giáo dục.

Thực hiện mục tiêu chiến lược: hướng tới thế kỷ XXI và mang bản sắc Trung Quốc, Trung Quốc đã tiến hành cải cách thể chế làm giáo dục, từng bước xây dựng thể chế làm giáo dục trong đó chính quyền là chủ thể, các lực lượng xã hội cùng tham gia. Cụ thể là: giáo dục phổ thông do chính quyền địa phương làm chủ, giáo dục đại học do hai cấp chính quyền là trung ương và tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc trung ương) cùng làm chủ, các lực lượng xã hội cùng tham gia; giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp và giáo dục người lớn chủ yếu dựa vào

³OECD: Education at a Glance, 2005.

các ngành nghề, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các lực lượng xã hội cùng liên kết tiến hành. Đối với giáo dục đại học, Trung Quốc đã thay đổi chức năng của chính quyền từ chỗ trực tiếp quản lý trường đại học tiến tới sử dụng quyền lập pháp, cấp ngân sách, quy hoạch, dịch vụ thông tin, chỉ đạo chính sách và các biện pháp hành chính cần thiết để quản lý vĩ mô. Trường đại học phải biết thực thi quyền hạn của mình, đảm nhận trách nhiệm cần phải gánh vác, xây dựng cơ chế vận hành tự phát triển, tự kiểm soát, chủ động thích ứng với nhu cầu xây dựng kinh tế và phát triển xã hội. Trung Quốc cũng đã xác lập vị trí vai trò của trung ương và địa phương trong việc quản lý giáo dục. Nhà nước chỉ trực tiếp quản lý một bộ phận trường đại học có liên quan đến sự phát triển mang tính toàn cục về kinh tế - xã hội của đất nước, đóng vai trò cốt cán và có tính chuyên môn cao, đồng thời trao quyền và mở rộng quyền ra quyết định về giáo dục cho cấp tỉnh.

5. Khuyến khích hợp tác, hướng ra quốc tế

Việc chú trọng bảo hộ giáo dục trong nước, đồng thời từng bước mở cửa để các nhà đầu tư nước ngoài thành lập cơ sở giáo dục có chất lượng cao trong nước được tất cả các quốc gia được nghiên cứu quan tâm.

Hoa Kỳ mở rộng của nền giáo dục đại học của mình để thu hút sinh viên nước ngoài, một mặt tăng thu nhập cho các trường, mặt khác kiếm tìm tài năng trong số sinh viên nước ngoài để đào tạo tiếp thành nhân lực trình độ cao làm việc tại Hoa Kỳ.

Nhật Bản ngay từ thời kỳ đầu công nghiệp hóa đã khuyến khích sử dụng ngoại ngữ, chương trình của các nước tiên tiến để đào tạo nhân lực ngay tại Nhật Bản. Việc cử người đi học tập ở các nước khác cũng được Nhà nước chú trọng và khuyến khích, sử dụng kinh phí của: (1) Nhà nước, (2) người đi học, (3) chủ sử dụng lao động, (4) đối tác nước ngoài. Việc mở trường nước ngoài tại Nhật Bản không được khuyến khích để bảo vệ nền văn hóa Nhật Bản nhưng khuyến khích các cá nhân, tổ chức nước ngoài tham gia vào hoạt động giảng dạy tại Nhật Bản.⁴

⁴ Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao và Khoa học - Công nghệ Nhật Bản: One Hundred Years of Education in Japan (100 năm giáo dục Nhật Bản), Tokyo, 1980.

Hợp tác quốc tế về giáo dục ở Hàn Quốc được thực hiện dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước. Việc cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài mở trường ở Hàn Quốc không thuận lợi do bị ràng buộc bởi yêu cầu không vụ lợi. Cho đến nay, Hàn Quốc vẫn chưa cam kết tham gia GATS trong lĩnh vực giáo dục. Chính sách của Hàn Quốc một mặt chú trọng bảo hộ giáo dục trong nước, mặt khác từng bước mở cửa để các nhà đầu tư nước ngoài thành lập cơ sở giáo dục có chất lượng cao trong nước với mục đích chủ yếu để phát triển du học tại chỗ.

Chính phủ Xingapo đã cho phép thành lập Trường Quản trị Xingapo theo mô hình giáo dục kiểu Mỹ, thu hút nhiều sinh viên nước ngoài đến đăng ký học. Đại học quốc gia Xingapo (NUS) cũng thành lập một chi nhánh ngay tại thung lũng công nghệ Silicon (California) của Mỹ để sinh viên học tại chi nhánh này có thể tham gia thực tập ngay tại các công ty công nghệ cao hàng đầu thế giới. Không chỉ "xuất khẩu", Xingapo còn mở rộng cửa để "nhập khẩu" giáo dục, 9 trường đại học nước ngoài uy tín đã thành lập chi nhánh đào tạo sau đại học ở Xingapo.

Chính phủ Trung Quốc cũng rất chú trọng việc tăng cường hợp tác giao lưu quốc tế về học thuật. Bên cạnh việc cử các đoàn tham quan, học tập ngắn hạn, Nhà nước còn tài trợ cho các cán bộ khoa học, giảng viên cốt cán đi giao lưu, trao đổi nghiên cứu tại các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu hàng đầu của nước ngoài, khuyến khích các cơ sở đào tạo mời các nhà khoa học có uy tín, các giáo sư đầu ngành sang Trung Quốc đảm nhận các chức vụ quan trọng. Đồng thời, Trung Quốc khuyến khích sinh viên đi du học ở nước ngoài bằng nhiều hình thức, tạo điều kiện làm việc và có chế độ đãi ngộ tốt đối với các lưu học sinh trở về nước phục vụ, đóng góp cho sự phát triển của các cơ sở giáo dục và nghiên cứu khoa học.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Chi cho giáo dục so với B chi ngân sách nhà nước⁵

Quốc gia	Năm	Tỷ lệ %
Hoa Kỳ	2005	13.72
Nhật Bản	2004	9.77
Đức	2005	9.17
Hàn Quốc	2004	16.48
Xingapo	Không có số liệu	Không có số liệu
Trung Quốc	1999	12.97
Việt Nam	2007	20

Bảng 2. Chi ngân sách bình quân học sinh so với GDP bình quân đầu người⁶

Quốc gia	Năm	Tỷ lệ %
Hoa Kỳ	2005	21.75
Nhật Bản	2005	18.13
Hàn Quốc	2004	22.29

Bảng 3. Tỷ lệ chi cho giáo dục của Nhà nước và tư nhân⁷

Quốc gia	Phổ thông		Đại học	
	Nhà nước	Tư nhân	Nhà nước	Tư nhân
Hoa Kỳ	91.9%	8.1%	42.8%	57.2%
Đức	82.1%	17.9%	87.2%	12.8%

⁵ World Bank Edstat (2008) <http://go.worldbank.org/ITABCOGIV1>.

⁶ Theo World Bank Edstat (Thống kê giáo dục của Ngân hàng Thế giới). Bộ số liệu Barro-Lee 2000

⁷ Theo Các chỉ số giáo dục thế giới 2006 của Viện Thống kê UNESCO UNESCOUIS WEI, số liệu Việt Nam lấy theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2007.

Nhật Bản	91.3%	8.7%	39.7%	60.3%
Hàn Quốc	80.2%	19.8%	23.9%	76.1%
Xingapo	Không có Số liệu	Không có Số liệu	Không có Số liệu	Không có Số liệu
Trung Quốc	Không có Số liệu	Không có Số liệu	Không có Số liệu	Không có Số liệu
Việt Nam	95,65%	4,35%	77,13%	22,87%

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cải cách giáo dục ở Hàn Quốc (bản dịch của Nguyễn Văn Ngữ. Hiệu đính Đặng Bá Lâm) Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1999.
2. UNESCO 2019 Forum on Education for Sustainable Development and Global Citizenship Hanoi, Vietnam, 2-3 July 2019.
3. Cải cách giáo dục trong thế kỷ XXI bảo đảm dẫn đầu trong kỷ nguyên thông tin và toàn cầu hóa. Báo cáo củ Ủy ban cải cách giáo dục trực thuộc Phủ Thủ tướng Hàn Quốc. Người dịch Nguyễn Quang Kính, Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội 2006.
4. Education system Japan described and compared with the Dutch system.
5. Japan's Educational System A Few Main Points and Recent Changes in the Educational System.
6. Giáo dục Nhật Bản. Tài liệu của Hội thông tin giáo dục quốc tế. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001.
7. The Education System in Singapore: The Key to its Success Madrid, Spain November 2011.
8. Overview of the Education System and Education Research in Singapore Israeli Academy of Sciences 10 Mar 2018
9. Goh, K.S. (1979), "Report on the Ministry of Education 1978", Singapore National Printers, Singapore.
10. OECD (2011), "Singapore: Rapid Improvement Followed by Strong Performance", in Lessons from PISA for the United States, OECD Publishing, Paris, <http://dx.doi.org/10.1787/9789264096660-8-en>



TTBD ĐBDC

